

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 04- 4- 2023

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Thẩm

Ông Nguyễn Quốc Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thanh B - sinh ngày 24/10/1985

Trú tại: SN 14 Ngõ 7 đường P, khu phố 8, phường Đ, thị xã B, tỉnh T(Có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Luật sư: Nguyễn Xuân D, sinh năm 1991

Công tác tại: Văn phòng luật sư T

Địa chỉ: Lô F10, khu I, khu đô thị bắc Đại Lộ L, phường Đ, Thành phố T(Có mặt).

*** Bị đơn:** Chị Hoàng Thị Bích H - sinh ngày 17/9/1987

Trú tại: SN 17 đường P, khu phố 8, phường Đ, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt có lý do).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Luật sư: Phạm Đình V, sinh năm 1985

Công tác tại: Công ty Luật TNHH VN

Địa chỉ: Phòng 301, số 105 đường N, phường H, quận T, thành phố H(Vắng mặt không có lý do).

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trần Thị S - Sinh ngày 14/10/1962

Trú tại: SN 14 Ngõ 7 đường Phùng Ch, Khu phố 8, phường Đ thị xã B, tỉnh T

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Sáu: Anh Nguyễn Công Thiện

Đ/c: Văn phòng Luật sư Thiên B- Lô F10, khu đô thị Bắc Đại Lộ L, phường Đ, TP. T, tỉnh T(Có mặt) .

2/ Bà Trần Thị H - Sinh ngày 12/9/1962

Trú tại: Tổ 103 thôn C, phường L, thị xã B, tỉnh T.

3/ Ông Hoàng Ngọc Q- sinh năm 1957

Trú tại: Tổ 103 thôn C, phường L, thị xã B, tỉnh T.

Người được ông Hoàng Ngọc Q ủy quyền: Bà Trần Thị H(vợ ông Quân)

Trú quán: Tổ 103 thôn C, phường L, thị xã B, tỉnh T(Theo giấy ủy quyền ngày 28/11/2022).

4/ Anh Đinh Lệnh T- sinh năm 1982

Trú tại: Phố C, Thị trấn Thiên T, huyện H, tỉnh N.

5/ Chị Nguyễn Thị Vi T- Sinh năm 1989

Trú tại: Số 18 đường Nguyễn T, phường L, thị xã B, tỉnh T.

6/Anh Lê Văn T- Sinh năm `1989

Trú tại:: Tổ 7, khu phố 3, phường Đ, thị xã B, tỉnh T

7/ Anh Mai Thế Hùng- sinh năm 1985

Trú tại: 17B, đường Nguyễn Thị M, khu phố 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh T

8/ Cửa hàng Media Mart B

Địa chỉ: Số 66 Nguyễn Huệ, phường P, thị xã B, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp: Anh Lê Tuấn A- chức vụ: Giám đốc

9/ Anh Nguyễn Thanh X- sinh năm 1991

Trú tại: Khu phố L, phường Đ, thị xã B, tỉnh T.

10/ Chị Trần Thị Kh- sinh năm 1990

Trú tại: Tổ 4, khu phố 12, phường N, thị xã B, tỉnh T

11/ Anh Trần Văn T- sinh năm 1981

Trú tại: Tổ 4, khu phố 12, phường N, thị xã B, tỉnh T

Người được anh Tuyển ủy quyền chị Trần Thị K vợ anh T (theo giấy ủy quyền ngày 23/02/2023).

(Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt có lý do).

** Người làm chứng:*

1/ Chị Trịnh Thị G- sinh năm 1987

Trú tại: SN 66 đường Lê C, Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt có lý do).

2/ Anh Vũ Xuân B - sinh năm 1978

Trú tại: SN 446 Thôn C, phường L, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2022 và bản tự khai ngày 13/6/2022 nguyên đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Bích H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh T năm 2010. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc và chung sống tại nhà bố mẹ anh tại khu phố 8, phường Đ. Tuy nhiên đến tháng 7/2021 vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau không ai nhường nhịn ai. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng đã không thể giải quyết được, nếu ở cùng nhau hai bên sẽ luôn đau khổ vì thực sự vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ. Nên anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị Bích H.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Hoàng Bảo Q(nữ) sinh ngày 07/10/2011, cháu thứ hai tên là Nguyễn Như K(nam) sinh ngày 28/01/2014. Nếu ly hôn anh xin nuôi 2 cháu Q và K và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 20/6/2022 chị Hoàng Thị Bích H trình bày:**

Năm 2011 chị và anh B kết hôn với nhau, hai bên đến với nhau hoàn toàn tự nguyện không ép buộc, hôn nhân được gia đình hai bên đồng thuận. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B vào ngày 24/12/2010. Sau khi đám cưới diễn ra vợ chồng về sống tại địa chỉ số nhà 14, khu phố 8, phường Đ, thị xã B. Trong suốt quá trình chung sống vợ chồng có hai con là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Q sinh ngày 07/10/2011 và cháu Nguyễn Như K; sinh ngày 28/01/2014. Cuộc sống hôn nhân có những va chạm nhưng đó là va chạm bình thường trong cách sinh hoạt chung và thông thường, vợ chồng bỏ qua và tiếp tục hôn nhân. Nhưng bất đồng không đáng

có đến từ việc anh B không chăm lo các con học hành, không thực sự có trách nhiệm với tổ ấm gia đình. Tuy nhiên, chị không cho đó là lý do lớn bởi chị vẫn chăm sóc các con để các con vẫn có đầy đủ tình cảm của bố lẫn mẹ, phát triển bình thường như bao trẻ nhỏ khác.

Ngày 18/4/2022 chị nghe mọi người đồn đoán anh B có quan hệ tình cảm, qua lại ăn ở với một người phụ nữ khác, trong lúc nóng giận chị không giữ được bình tĩnh và nộp đơn đến Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn đề nghị giải quyết ly hôn cho chị và anh Bình. Tuy nhiên, sau đó chị đã rút đơn khởi kiện ly hôn, đồng ý hòa giải với chồng để xây dựng mái ấm gia đình, các con chị vẫn có đầy đủ tình thương của cả mẹ và bố.

Sau đó anh B làm đơn ly hôn chị không đồng ý vì lý: Chị luôn chăm nom nhà cửa con cái đầy đủ, hoàn thành trách nhiệm của người vợ. Về tình cảm mặc dù đây là thời gian nhạy cảm, các bên dễ dẫn đến việc đưa ra những quyết định không mang tính lý trí, dễ mắc sai lầm, nhưng chị chấp nhận bỏ qua để cùng chung sống với gia đình, theo thời gian chị tin sẽ hàn gắn được vết thương. Vợ chồng không ai có hành vi bạo lực gia đình và chị không có quan hệ bất chính với người khác.

Ngoài ra năm 2022, mẹ chồng chị là Trần Thị S lập hồ sơ cho tặng quyền sử dụng đất cho con chị là cháu Nguyễn Như K với việc anh chị là người giám hộ cho cháu, chị đang tiến hành nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho con chị, nhưng chưa đủ ngày niêm yết để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm đó chị phát hiện anh B ngoại tình nên chị đã nộp đơn ly hôn. Anh B và người nhà cho rằng chị lập kế hoạch để cướp đất của mẹ đẻ anh B, mẹ anh B cũng cho là như vậy nên đã nộp đơn khiếu nại đến ủy ban nhân dân thị xã B đề nghị không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho con chị.

Như vậy, có thể thấy rằng việc anh B tiếp tục yêu cầu đơn phương ly hôn để thực hiện mục đích để anh B tiếp tục mối quan hệ bất chính. Về tranh chấp quyền nuôi con trong đó yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Như K là phục vụ cho mục đích anh B quản lý lại nhà mà con chị đã được mẹ anh B cho tặng mà không phải là mục đích yêu thương con, muốn con có môi trường phát triển tốt.

Vì vậy, chị không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để bác yêu cầu đơn phương ly hôn của anh B. Ngoài ra chị cho rằng các con chị vô tội, các con chị xứng đáng có một mái ấm gia đình, có đầy đủ cả bố lẫn mẹ, thời gian sẽ giúp cho anh B hiểu ra điều căn bản nhất trong xã hội là gia đình, một tế bào của xã hội. Chị sẵn sàng tha thứ cho lỗi lầm của anh B khi anh B nhận ra sai lầm và quay về chăm sóc gia đình.

Tại đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày 26/7/2022 và bản tự khai ngày 03/8/2022 anh Nguyễn Thanh B trình bày:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất tại thửa số:239, tờ bản đồ số: 04(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 713913 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 19/7/2021 đứng tên vợ chồng); Địa chỉ thửa đất: Thôn phường 2, xã Vinh Hà, huyện P, tỉnh T; Diện tích:113m². Giá trị quyền sử dụng đất khoảng 350.000.000đ.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số:455, tờ bản đồ số 03; Diện tích 155,5 m². Địa chỉ thửa đất: Thị trấn N, huyện N, tỉnh Th. Thửa đất nêu trên vợ chồng anh nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn B và bà Mai Thị T. Hiện tại, thửa đất này vợ chồng chưa làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị H là người đang cất giữ hợp đồng chuyển nhượng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Giá trị quyền sử dụng đất khoảng 350.000.000đ.

Tài sản thứ ba: Xe ô tô Hyundai Creta mua năm 2016, biển số:36A234.89 đứng tên Nguyễn Thanh B. Giá trị xe khoảng 400.000.000đ(Bốn trăm triệu đồng).

Tài sản thứ tư: Xe ô tô Kia Morning mua năm 2020, biển số:17A- 07839 đứng tên Nguyễn Thanh B. Giá trị xe khoảng 250.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng anh gồm 02 thửa đất, 02 xe ô tô có giá trị khoảng 1.350.000.000đ(Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng). Khi được Tòa án phân chia tài sản chung anh xin nhận tài sản bằng: Quyền sử dụng đất số 455, tờ bản đồ số 03; Địa chỉ tại thị trấn N, huyện N và 01 xe ô tô Hyundai Creta mua năm 2016, biển số: 36A- 234.89 đứng tên Nguyễn Thanh B.

Phần tài sản còn lại đề nghị Tòa án chia cho chị Hoàng Thị Bích H.

Tại đơn yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung ngày 18/8/2022 chị Hoàng Thị Bích H trình bày: Theo đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh B đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

Thứ nhất: Quyền sử dụng đất tại thửa số 455, tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số:DD066109; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận:CH00356 do UBND huyện Nga Sơn cấp ngày 15/10/2021 đứng tên bà Mai Thị Tuyết H; diện tích: 155,5m².

Thứ hai: Xe ô tô Hyundai Creta mua năm 2016, biển số 36A 234.89 mang tên Nguyễn Thanh B.

Đối với tài sản trên chị xác nhận là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, ly hôn tôi đề nghị Tòa án phân chia theo pháp luật. Ngoài ra để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp và giải quyết triệt để vụ án ly hôn của vợ chồng chị đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

Thứ nhất: Khoản tiền 500.000.000đ đã cho em gái anh Bình là Nguyễn Thị Vi Thảo vay vào ngày 15/3/2022. Trong đó, có vay tiền mặt 100.000.000đ và chuyển khoản 400.000.000đ đến số tài sản 106004495552 Nguyễn Thị Vi T- Ngân hàng công Thương Vietinbank.

Thứ hai: Trong quá trình vợ chồng chung sống tại số nhà 17 khu phố 8, phường Đ, thị xã B, vợ chồng chị có sửa chữa nhà ở đến nay vẫn chưa thanh toán xong các khoản bao gồm:

Tháng 01/2022 thuê anh Lê Văn T đến sửa chữa trần mái tôn còn nợ 42.000.000đ chưa thanh toán.

Tháng 01/2022 thuê anh Mai Thế H đến thi công toàn bộ đường điện, đường nước... còn 8.000.000đ chưa thanh toán.

Ngày 28/01/2022 đặt cọc đơn hàng mua 01 TV QLED SMART 4K tại cửa hàng Media số 66, Nguyễn Huệ, thị xã Bim Sơn số tiền 24.990.000đ đã thanh toán 17.000.000đ, còn lại 7.990.000đ chưa thanh toán, có hóa đơn đặt cọc.

Tháng 01/2022 thuê anh Nguyễn T đến sửa chữa đóng bàn ghế mới, tủ kệ, tủ bếp 02 bộ, phun sơn... còn nợ lại 37.000.000đ chưa thanh toán.

Như vậy, tổng số công nợ chung là: 594.990.000đ. Chị đề nghị Tòa án chia công nợ chung theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 12/8/2022 chị Hoàng Thị Bích H trình bày:

- Trong quá trình chung sống vợ chồng chị tạo lập được tài sản chung là:

Thứ nhất: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 455, tờ bản đồ số: 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: DD 066109, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00356 do UBND huyện N cấp ngày 15/10/2021 đứng tên Mai Thị Tuyết H; Địa chỉ thửa đất tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Th; diện tích 155,5m². Giá trị thửa đất khoảng 300.000.000đ

Thứ hai: Xe ô tô Hyundai Creta mua năm 2016 mang biển số: 36A-234.89 đứng tên Nguyễn Thanh B. Hiện nay do anh B đang quản lý sử dụng. Giá trị xe khoảng 400.000.000đ.

Thứ ba: Khoản tiền 500.000.000đ đã cho em gái anh Bình là Nguyễn Thị Vi T vay vào tháng 3/2022. Đề nghị Tòa án triệu tập chị T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để yêu cầu trả nợ cho vợ chồng chị số tiền trên.

Đối với các tài sản trên chị đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

Việc anh B kê khai tài sản chung vợ chồng còn có quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 329, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 713913 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 19/7/2021 đứng tên Nguyễn Thanh B, Hoàng Thị Bích H tại Thôn phường

2, xã V, huyện P, tỉnh T là không đúng. Vì mảnh đất này ngày 27/12/2021 anh B đã ký hợp đồng ủy quyền cho chị toàn quyền được chuyển nhượng, tặng cho lô đất. Hiện nay, chị đã bán lô đất trên cho người khác và người mua đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên tài sản trên không còn là tài sản của vợ chồng anh chị nữa.

Ngoài ra, chiếc xe ô tô Kia Morning, biển số 17A-07839 cũng không phải là tài sản chung của vợ chồng chị, vì chiếc xe này không phải do vợ chồng chị là chủ sở hữu nên không có căn cứ để chia tài sản chung của vợ chồng.

- Về công nợ chung:

Thứ nhất: Khoản tiền vay của mẹ đẻ chị là bà Trần Thị H số tiền 600.000.000đ. Khoản vay này chị vay để mua mảnh đất tại huyện N là tài sản chung vợ chồng được liệt kê ở trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 455, tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 066109, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00356 do UBND huyện N cấp ngày 15/10/2021. Nên anh B cũng có trách nhiệm cùng chị trả nợ khoản vay này theo quy định của pháp luật.

Thứ hai: Khoản tiền vợ chồng chị vay của mẹ chồng chị bà Trần Thị S 835.000.000đ theo kê khai của bà Trần Thị S là đúng.

Thứ ba: Tiền nợ sửa chữa nhà khi vợ chồng về ở tại địa chỉ số 17, khu phố 8, phường Đ, thị xã B, tổng số tiền 769.344.000đ, đã thanh toán được 674.354.000đ còn lại 94.990.000đ cụ thể.

- Tháng 01/2022 thuê người thi công sửa chữa bán mái tôn còn lại chưa thanh toán 37.000.000đ. Có giấy xác nhận của cửa hàng gốc Xuân Đào.

- Ngày 28/01/2022 đặt cọc đơn hàng mua 01 TV QLED SMART 4K 24.900.000đ đã thanh toán 17.000.000đ, còn lại 7.990.000đ chưa thanh toán.

Về công nợ nêu trên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị S:

Chị đồng ý vợ chồng còn nợ bà Trần Thị S số tiền 835.000.000đ. Tuy nhiên số tiền cho thuê nhà 648.000.000đ chị không đồng ý là công nợ chung vợ chồng vì các lý do sau đây:

- Khoản tiền trên bà S không giao cho chị giữ. Việc bà S có giao cho anh B thu giữ và anh B có nhận tiền từ việc cho thuê của bà S hay không chị không được biết. Còn chị không được nhận bất cứ khoản tiền nào từ việc bà S cho thuê nhà theo hợp đồng thuê nhà số:06/HĐTN ngày 01/10/2017. Trường hợp anh B có nhận tiền từ việc cho thuê nhà của bà S, nhưng anh B không sử dụng khoản tiền đó vào chi tiêu sinh hoạt chung của gia đình hoặc được hình thành tài sản chung của vợ chồng thì anh

Bình phải chịu trách nhiệm trả nợ và chị không có trách nhiệm cùng anh B trả nợ khoản tiền này.

Tại bản tự khai ngày 21/11/2022 chị Hoàng Thị Bích H trình bày: Do có nhu cầu kinh doanh nên năm 2021 chị có tự mình xoay sở vay mượn để mua 01 thửa đất số:329 tờ bản đồ số 4 địa chỉ tại Thôn Phường 2, xã V, huyện P, tỉnh Thừa T với diện tích 113m². Khi đó vì còn trong thời kỳ hôn nhân, tin tưởng chồng nên chị có để anh B cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bởi lẽ số tiền để mua thửa đất trên hoàn toàn do mình chị tự xoay sở vay mượn nên để thuận lợi cho việc tìm kiếm người chuyển nhượng lại, ngày 27/12/2021 anh B đã ủy quyền cho chị tự do chuyển nhượng thửa đất để trả nợ số tiền lúc mua.

Khi đó, mẹ chị là bà Trần Thị H đang có nhu cầu cần mua đất để kinh doanh. Mặt khác chị cũng đang bị đòi số tiền lúc mua thửa đất trên. Vì thế chị đã bán cho mẹ để trả nợ số tiền vay lúc mua thửa đất đó. Ngày 04/6/2022 chị đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cho bà Trần Thị H, ông Hoàng Ngọc Q theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 713913, số vào sổ cấp GCN: CS 00866 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 19/7/2021 thay đổi do chuyển nhượng ngày 02/8/2022.

Hiện nay anh Nguyễn Thanh B đang có đơn yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất trên và có ý kiến chị đang có dấu hiệu tẩu tán tài sản. Điều này là không đúng chị không đồng ý. Bởi vì:

Thứ nhất: Tại thời điểm chị bán thửa đất trên anh Bình chưa nộp đơn ly hôn và ngày 27/12/2021 anh B đã ủy quyền giao toàn bộ quyền tự do chuyển nhượng thửa đất trên cho chị. Đối với văn bản ủy quyền này hoàn toàn là anh Bình tự nguyện, không bị ép buộc lừa dối đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, trong quá trình giao dịch chuyển nhượng thửa đất trên cho mẹ chị bà Trần Thị H đều được công chứng, chứng thực tại văn phòng công chứng. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng trên hoàn toàn đảm bảo được tính pháp lý và quyền lợi ích hợp pháp của cả hai bên theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 24/10/2022 của anh Nguyễn Thanh B trình bày:

- Món nợ em gái anh 500.000.000đ chị Hợp khai Vi Thảo vay vợ chồng anh chị là không đúng vì thực tế số tiền 400.000.000đ thông qua sổ tài sản chị G chuyển cho chị Vi T để trả nợ cho mẹ anh. Còn số nợ 100.000.000đ tiền chị H khai đưa tiền mặt cho chị Vi T anh không biết.

- Món nợ bán mái tôn 42.000.000đ của anh T anh công nhận 2 vợ chồng nợ khoản tiền này.

- Món nợ anh H 8.000.000đ tiền điện nước, anh đã trả cho anh H nên không còn nợ, chị H khai là không đúng.

- Nợ cửa hàng M 7.900.000đ vợ chồng đã thỏa thuận chị H sẽ trả món nợ này cho cửa hàng Media nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Nợ của anh Nguyễn Thanh X 37.000.000đ anh công nhận hai vợ chồng nợ số tiền trên của anh X.

Theo thông báo thụ lý số 51d ngày 15/9/2022 bà H khai vợ chồng anh có nợ bà H số tiền 600.000.000đ để phục vụ cho mua đất. Anh khẳng định là không biết việc chị H vay của bà H thế nào và anh không liên quan đến số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 24/10/2022 chị Nguyễn Thị Vy T trình bày:

Chị Hoàng Thị Bích H khai chị có nợ của anh B, chị H là 500.000.000đ. Trong đó có vay tiền mặt 100.000.000đ và 400.000.000đ chuyển khoản

- Về khoản nợ 100.000.000đ chị H khai đưa tiền mặt cho chị nhưng thực tế chị không nhận số tiền 100.000.000đ như chị H đã nêu.

- Về khoản tiền 400.000.000đ chị công nhận có nhận của chị G 400.000.000đ(Bốn trăm triệu đồng). Tuy nhiên, số tiền này không phải số tiền chị vay của chị H mà là số tiền chị H nhờ số tài khoản của tôi chuyển và nhờ chị đưa cho mẹ chị số tiền trên để trả nợ cho món vay 1.280.000.000đ. Nay chị H yêu cầu chị trả số tiền trên là chị không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 03/10/2022 anh Lê Văn T trình bày: Cuối năm 2021 anh B có gọi anh đến nhà số 17 đường Phùng Chí K khu phố 8, phường Đ, thị xã B sửa mái tôn trên tầng và dưới tầng. số tiền sửa nhà là 142.000.000đ, sau đó bà S(mẹ anh B) đã trả cho anh 100.000.000đ còn lại 42.000.000đ anh B, chị H đứng ra trả cho tôi. Nay vợ chồng anh B, chị H ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 03/10/2022 anh Nguyễn Thanh X trình bày: Tháng 01/2022 anh có làm 1 số đồ gỗ gồm bàn ghế, cửa và một số đồ liên quan đến đồ gỗ tại ngôi nhà ở đường Phùng Chí K, khu phố 8, phường Đ, thị xã B, tỉnh T. Tổng số tiền anh B, chị H phải trả cho anh là 77.000.000đ. Chị H đã trả cho anh 40.000.000đ. Còn nợ lại 37.000.000đ. Nay anh B, chị H đang làm đơn ly hôn và có yêu cầu giải quyết phần công nợ của anh. Vì vậy, anh xin khai trình về việc anh B, chị H nợ số tiền 37.000.000đ và anh yêu cầu giải quyết buộc anh B, chị H phải thanh toán số tiền trên cho anh.

Tại bản tự khai ngày 12/10/2022 anh Mai Thế H trình bày: Anh B, chị H nợ anh tiền thi công toàn bộ đường điện, đường nước..... Tổng số tiền 38.000.000đ đã thanh toán 30.000.000đ còn lại 8.000.000đ(Tám triệu đồng). Nay anh xác nhận số tiền 8.000.000đ(Tám triệu đồng) gia đình anh B đã trả nợ cho anh. Hiện nay vợ chồng anh B, chị H không còn nợ gì anh nữa. Vì vậy, anh không đề Tòa án giải quyết phần nợ 8.000.000đ mà chị H khai đang nợ của anh. Anh xin xác nhận vợ chồng anh

B, chị H không còn nợ anh bất kỳ một khoản tiền nào nữa. Vì điều kiện công việc bận nên anh không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh.

Tại bản tự khai anh Đinh Lệnh T trình bày: Cách đây khoảng 2 năm anh có bán cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh B và chị Hoàng Thị Bích H ở thị xã B, Tỉnh T 01 xe kia moning BKS 17A- 078.39 nguồn gốc xe nêu trên là do mua qua tay của thợ xe là anh Trần Văn V trú tại khu quốc lộ 1A gần đền Q, Thành phố T, tỉnh N. Anh bán cho anh B, chị H với giá bao nhiêu vì lâu ngày anh không nhớ rõ. Vì anh và anh V là chỗ quen thân nên không viết giấy tờ mua bán với nhau. Khi anh chuyển tiền cho anh V thì anh Viên giao cho anh những giấy tờ liên quan đến chiếc xe cho anh. Đến khi anh bán chiếc xe trên cho anh B và chị H thì anh đã giao xe và toàn bộ giấy tờ mua bán viết tay với anh B, chị H. Giấy tờ mua bán giao cho anh B, chị H anh không lưu giữ bản nào.

Tại bản tự khai của Media M trình bày: Cửa hàng Media M có mau hàng 01 TV QLED SMART 4K Utrrl- DR66 SAMSUNG QA6570AAKXXV có đăng ký bảo hành theo số điện thoại 0376615766. Chị H đã thanh toán hết số tiền cho cửa hàng. Việc chị H mua trả góp cửa hàng còn nợ bao nhiêu cửa hàng Media không nắm rõ. Vì cửa hàng Media M hiện nay không còn liên quan gì đến chị H việc mua bán giữa hai bên đã thanh toán cho nhau xong. Vì vậy, đại diện cửa hàng Media M cung cấp cho Tòa án biết và đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt Media M.

Tại đơn yêu cầu độc lập bà Trần Thị S trình bày:

Ngày 18/3/2022 bà có cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh B và chị Hoàng Thị Bích H vay số tiền 835.000.000đ, hai bên có lập giấy vay tiền với nhau nhưng đề nay anh B, chị H vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho bà.

Ngoài ra, ngày 01/10/2017 bà và tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp Quốc Phòng(gọi tắt là Tổng công ty Quốc Phòng) có lập hợp đồng thuê nhà số:06/HĐTN đối với nhà đất tại số nhà 17 đường Phùng Chí Kiên, khu phố 8, phường Đ (đây là tài sản riêng của bà) đề cho Tổng công ty Quốc Phòng làm văn phòng đại diện với giá thuê 12.000.000đ/ tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì số tiền thuê Tổng công ty Quốc Phòng sẽ chuyển khoản trực tiếp vào số tài khoản của anh Nguyễn Thanh B. Đối với số tiền thuê này bà và vợ chồng anh B, chị H đã thống nhất cho vợ chồng anh B vay để làm ăn và chi tiêu sinh hoạt gia đình(Chị H là người trực tiếp cầm thẻ Ngân hàng để rút tiền). Đến ngày 31/3/2022 thì bà và Tổng công ty Quốc Phòng chấm dứt hợp đồng thuê nhà. Như vậy, tổng số tiền thuê nhà trong thời gian 54 tháng mà Tổng công ty Quốc Phòng đã thanh toán cho bà là:648.000.000đ. Toàn bộ số tiền trên đều do anh B, chị H cầm giữ.

Nay vợ chồng anh B, chị H đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Bình, chị H cùng chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 835.000.000đ và 648.000.000đ= 1.483.000.000đ.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 14/9/2022 bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 18/4/2022 bà có cho vợ chồng anh B, chị H vay số tiền là 600.000.000đ(Sáu trăm triệu đồng) để phục vụ cho mua bất động sản, thời hạn vay 12 thán kể từ ngày 18/4/2022 đến ngày 18/4/2023 có lập thành giấy vay tiền. Sau đó cùng ngày bà đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông Thông Agnbank Chi nhánh Thị xã Bim Sơn- Bắc Thanh Hóa để rút 600.000.000đ đưa cho chị H và có lập thành giấy biên nhận tiền. Hiện tại anh B và chị H chưa thanh toán số tiền trên cho bà.

Bà được biết hiện nay anh Bình, chị Hợp đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng vì giấy vay tiền hện ngày 18/4/2023 mới trả. Do vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Bình, chị Hợp cùng chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 600.000.000đ cho bà.

Ngày 16/11/2022 bà Trần Thị H và ông Hoàng Ngọc Q trình bày: Năm 2022 vợ chồng bà có mua 01 thửa đất số: 329 tờ bản đồ số 4 địa chỉ tại Thôn phường 2, xã V, huyện P, tỉnh T với diện tích 113m². Nguồn gốc thửa đất là của con gái bà đã mua mục đích để đầu tư kinh doanh. Do cũng đang có nhu cầu cần mua đất để đầu tư kinh doanh nên vợ chồng bà có mua lại thửa đất trên. Ngày 02/8/2022 vợ chồng bà đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hiện nay, trong quá trình giải quyết ly hôn anh B lại yêu cầu chia đó là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Điều này là không đúng ông bà không đồng ý với những lý do sau:

Thứ nhất, ngày 27/12/2021 anh B đã ủy quyền cho chị H toàn quyền mua bán chuyển nhượng thửa đất trên. Sau đó, chị H bán lại cho vợ chồng bà. Quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng chứng thực đúng quy định của pháp luật. Vì thế thủ tục chuyển nhượng là hợp pháp.

Thứ hai, vào thời điểm ngày 04/6 ông bà tiến hành chuyển nhượng anh B chưa nộp đơn ly hôn với chị H. Hơn nữa, anh B và chị H đã có giấy ủy quyền với nhau. Theo đó giao dịch chuyển nhượng của ông bà là đúng quy định của pháp luật.

Thứ ba, từ ngày 02/8/2022 ông bà đã được ghi nhận thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CY 713913, số vào sổ cấp GCN: CS00866 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 19/7/2021 thay đổi do chuyển nhượng ngày 02/8/2022. Vì vậy, đến nay đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông bà không liên quan gì đến anh B, chị H.

Tại bản tự khai của chị Trần Thị K ngày 23/02/2023 trình bày:

Tháng 01/2022 chị được biết chị H có nhu cầu bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia- số loại Morning SLX mang BKS 17A- 078.39. Sau khi đến xem xe và các giấy tờ liên quan đến xe đầy đủ(bao gồm cả giấy mua bán xe ngày 09/11/2020 của chị H có mua lại xe ô tô cũ nhãn hiệu Kia- số loại Morning SLX mang biển kiểm soát 17A- 078.39 của anh Đinh Lệnh T với giá 170.000.000đ. Ngày 15/01/2022 chị có mua lại chiếc xe ô tô trên của chị H với giá thỏa thuận 70.000.000đ. Tuy nhiên, hiện nay chị được biết vợ chồng chị H và anh Bình đang giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn. Theo đơn khởi kiện của anh B đối với vấn đề tài sản chung anh B yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của hai vợ chồng khi ly hôn bao gồm cả chiếc xe đã bán cho chị. Việc anh B yêu cầu giải quyết tài sản trên đang ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của chị.

Do vậy, chị không đồng ý với yêu cầu của anh B và yêu cầu xem xét công nhận tài sản chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia- số loại Morning SLX mang biển kiểm soát 17A- 078.39 là tài sản của chị.

Tại bản tự khai ngày 10/02/2023 anh Nguyễn Thanh B trình bày: Chiếc xe Kia BKS 17A 078.39 chị K, anh T trình bày là xe chị K mua ngày 15/01/2022 của chị H. Tôi khẳng định không đồng ý với yêu cầu này vì: Chiếc xe Kia BKS 17A 078.39 là do vợ chồng anh mua của anh Đinh Lệnh T ở N, giấy tờ mua bán 2 vợ chồng cùng ký. Tuy nhiên, giấy tờ này chị H giữ và không cung cấp cho Tòa. Tại buổi đối chất giữa anh, chị H và bà H có khai chiếc xe chị H mua là để cho em trai chị H chứ không phải là tài sản của vợ chồng anh, bà H có có ý kiến là bà nhờ vợ chồng anh đi mua xe cho con trai. Tuy nhiên anh đã bác bỏ ý kiến này vì xe là tài sản của vợ chồng cùng đi mua là tài sản chung của vợ chồng. Anh Đinh Lệnh T đã xác nhận cho vợ chồng anh tại Tòa án.

Nay chị Trần Thị K và anh Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận chiếc xe Kia BKS 17A 078.39 là tài sản của anh chị và bác yêu cầu phân chia tài sản chung của anh đối với chiếc xe là không phù hợp vì ngày 15/01/2022 chị H ký hợp đồng mua bán xe(giấy viết tay) không có chữ ký của c là không hợp pháp. Trong thời gian này anh là người đi đăng kiểm chiếc xe Kia đến khoảng tháng 8/2022 thì chị H đang mang xe đi nơi khác để. Việc chị K, anh T yêu cầu Tòa án là không phù hợp với lời khai của chị H, bà H. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị K, anh T.

Tại bản tự khai ngày 24/3/2023 chị Hoàng Thị Bích H trình bày: Tháng 11/2020 chị có mua xe ô tô cũ nhãn hiệu Kia- số loại Morning SLX mang biển kiểm soát 17A- 078.39 của anh Đinh Lệnh T với giá 170.000.000đ. Trong thời gian đó gia đình chị đang sửa chữa nhà cửa thiếu nhiều chi phí phải vay mượn nên ngày

15/01/2022 chị có bán lại chiếc xe ô tô trên cho chị Trần Thị K với giá thỏa thuận 70.000.000đ. Số tiền bán được chị đã dùng chi trả cho việc sửa chữa nhà cửa.

Người làm chứng chị Trịnh Thị G trình bày: Ngày 15/3/2022 chị Hoàng Thị Bích H có nhờ chị chuyển số tiền 400.000.000đ tới tài khoản tên Nguyễn Thị Vi T. Nội dung chuyển chị không biết giữa chị H và chị T chuyển tiền làm gì. Chị chỉ biết nhờ chị chuyển tiền thì chị chuyển. Sau khi chuyển xong chị đã xác nhận giữa chị H và chị T là chị đã chuyển tiền thành công và chị T đã xác nhận nhận đủ tiền. Số tiền trên là của chị H nộp vào tài khoản của chị nhờ chuyển lại nội dung và mục đích chuyển khoản chị không biết. Vì vậy, chị trình bày để Tòa án có căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2023 người làm chứng anh Vũ Xuân B trình bày: Khoảng năm 2020 chị H nhờ anh đi tìm mua xe ô tô hơn 100.000.000đ. Anh có đưa chị H ra Ga ra xe của anh T ở Hoa Lư, Ninh Bình xem xe và đặt cọc 10.000.000đ mua xe Kia morning và ngày hôm sau có cả anh B chồng chị H cùng đi với anh và chị H ra nhà anh T để làm giấy tờ mua bán xe và đưa xe về. Anh nhớ không rõ là hình như chị H và anh T làm hợp đồng và trao tiền cho nhau còn anh và anh B ở ngoài xem xe. Tôi nhớ giá mua xe là 170.000.000đ. Ngoài ra anh không biết gì thêm. Vì công việc bận nên anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Tại buổi hòa giải ngày 03 tháng 03 năm 2022 anh Nguyễn Thanh B cương quyết xin ly hôn với chị Hoàng Thị Bích H, chị H không đồng ý.

- Về con cái: Anh B có nguyện vọng xin được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Bảo Q và cháu Nguyễn Như K. Anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía chị H không đồng ý với yêu cầu của anh B, chị H xin được nuôi 2 cháu Q và K yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000đ/ 1 cháu cho đến khi các cháu thành niên.

- Về tài sản: Vợ chồng không thỏa thuận được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Thanh B, chị Hoàng Thị Bích H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng. Cùng đề nghị Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu đề nghị phân chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Trần Thị S, Trần Thị H, Trần Thị K có đơn rút yêu cầu độc lập. Chị H, anh B không có ý kiến gì. Các đương sự cùng đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà S, bà H và chị K.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị T, anh X, anh T, cùng đồng ý với việc rút đơn của chị H, anh B và không có ý kiến gì. Cùng đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết phần nợ của các đương sự.

Tại phiên tòa bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn vắng mặt không có lý do, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 243, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh B về:

+ Hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Nguyễn Thanh B được ly hôn với chị Hoàng Thị Bích H.

+ Con chung: Đề nghị giao con chung của vợ chồng là Nguyễn Hoàng Bảo Q(nữ) sinh ngày 07/10/2011 cho anh Nguyễn Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Như K(nam) sinh ngày 28/01/2014 cho chị Hoàng Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, đề nghị HĐXX:

+ Đình chỉ phần yêu cầu phân chia tài sản của anh Nguyễn Thanh B

+ Đình chỉ phần yêu cầu phân chia tài sản của chị Hoàng Thị Bích H

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị S, bà Trần Thị H và của chị Trần Thị K về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

- Về án phí DSST:

+ Buộc anh B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Trả lại cho anh B số tiền tạm ứng án phí 13.125.000đ(Mười ba triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Birm Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005173 ngày 26/7/2022.

+ Trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí 6.950.000đ (Sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Bim Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005205 ngày 29/8/2022.

+ Trả lại cho bà Trần Thị S số tiền tạm ứng án phí 28.245.000đ (Hai mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Bim Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005170 ngày 25/7/2022.

+ Trả lại cho chị Trần Thị K số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Bim Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005334 ngày 07/02/2023.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và thẩm định giá tài sản: Chị H có đơn đề nghị đối với chi phí thẩm định giá tài sản anh B nộp 11.400.000đ, chị H nộp 11.500.000đ, tại phiên tòa anh B nhất trí với ý kiến của chị H. Như vậy, anh B, chị H đã thi hành xong khoản án phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền thẩm định giá tài sản.

* Luật sư Nguyễn Xuân D bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án xem xét:

- Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh Bình được ly hôn với chị Hợp theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình.

- Về con cái: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố về chỗ ở, kinh tế để đảm bảo tốt nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Đề nghị giao 2 cháu Nguyễn Hoàng Bảo Q(nữ) sinh ngày 07/10/2011 và cháu Nguyễn Như K(nam) sinh ngày 28/01/2014 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Anh B, chị H có đơn đề nghị đình chỉ yêu cầu đối với phần tài sản và công nợ chung nên đề nghị HĐXX xem xét đình chỉ yêu cầu này của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Thanh B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị Bích H. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”; bị đơn hiện đang cư trú tại phường Đ, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh B và chị Hoàng Thị Bích H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Nay anh B cương quyết xin ly hôn, chị H cũng đồng ý. HĐXX xét thấy, anh B và chị H mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh B giải quyết cho anh B được ly hôn với chị H là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Hoàng Bảo Q(nữ) sinh ngày 07/10/2011, cháu thứ hai tên là Nguyễn Như K(nam) sinh ngày 28/01/2014. Anh B có nguyện vọng xin nuôi 2 cháu Q và K và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có nguyện vọng xin nuôi 2 cháu và đề nghị anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 25.000.000đ/ cháu. HĐXX xét thấy nguyện vọng của chị H, anh B là hoàn toàn chính đáng, đều thể hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với con cái. Hai bên đều công tác tại nhà máy xi măng Bim Sơn, đều có công ăn việc làm ổn định, thu nhập cao, chị H thu nhập bình quân mỗi tháng là 12.000.000đ, anh B thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 16.000.000đ. Cả hai cháu đều có nguyện vọng xin ở với mẹ để mẹ chăm sóc các cháu được tốt hơn. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy, về điều kiện của hai vợ chồng đều có khả năng chăm sóc con tốt nhưng theo quy định của pháp luật cần giao mỗi người nuôi một cháu mới phù hợp. Hiện nay cháu K đang còn nhỏ cần có bàn tay chăm sóc của mẹ, còn cháu Q đã lớn nên có thể tự lập được. Vì vậy, cần giao cháu Q cho anh B nuôi dưỡng, giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Về khoản cấp dưỡng vì mỗi người nuôi một cháu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung của vợ chồng và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận phân chia tài sản trước khi xét xử như sau:

- Anh Nguyễn Thanh B rút yêu cầu đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa số:239, tờ bản đồ số: 04; Địa chỉ thửa đất: Thôn phường 2, xã V, huyện P, tỉnh T;

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số:455, tờ bản đồ số 03; Diện tích 155,5 m². Địa chỉ thửa đất: Thị trấn N, huyện N, tỉnh T;

+ Xe ô tô Hyundai Creta mua năm 2016, biển số:36A234.89;

+ Xe ô tô Kia Morning mua năm 2020, biển số:17A- 07839).

- Chị Hoàng Thị Bích H rút yêu cầu đề nghị phân chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng gồm:

+ Khoản tiền 500.000.000đ đã cho chị Nguyễn Thị Vi T vay;

- + Vợ chồng nợ anh Lê Văn T 42.000.000đ;
- + Nợ anh Mai Thế H 8.000.000đ;
- + Nợ cửa hàng Media Mart B 7.990.000đ;
- + Nợ anh Nguyễn Thanh X số tiền 37.000.000đ) .
- Bà Trần Thị S rút yêu cầu độc lập không đề nghị anh B, chị H trả số tiền 1.483.000.000đ.
- Bà Trần Thị H rút yêu cầu không đề nghị anh B, chị H trả số tiền 600.000.000đ.
- Trần Thị K có đơn rút yêu cầu độc lập về việc không đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sở hữu tài sản công nhận chiếc xe ô tô Kia Morning là tài sản hợp pháp của chị.
- Chị T, anh X, cùng đồng ý với việc rút đơn của chị H, anh B và không có ý kiến gì. Cùng đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết phần nợ của các đương sự.
- Đối với số nợ 8.000.000đ của anh H, nợ anh T 42.000.000đ và nợ 7.990.000đ của cửa hàng Media Mart B. Người đại diện cửa hàng Media Mart B, anh H và anh T đều công nhận chị H, anh B đã trả số nợ trên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Chị H, anh B không có ý kiến gì về việc rút đơn yêu cầu độc lập của bà S, bà H và chị K. Các đương sự cùng đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà S, bà H và chị K.
- Việc rút đơn yêu cầu của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 243, 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét và chấp nhận đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút.
- [3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và thẩm định giá tài sản.** Chị H có đơn đề nghị đối với chi phí thẩm định giá tài sản anh B nộp 11.400.000đ (phiếu thu ngày 07/9/2022 và 12/10/2022, phiếu hoàn tiền tạm ứng ngày 16/3/2023), chị H nộp 11.500.000đ(phiếu thu ngày 28/3/2023), tại phiên tòa anh B nhất trí với ý kiến của chị H. Như vậy, anh B, chị H đã thi hành xong khoản án phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền thẩm định giá tài sản nên Hội đồng xét xử miễn xét.
- [4] Về án phí DSST:**
 - Anh Nguyễn Thanh B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.
 - Trả lại cho anh B số tiền tạm ứng án phí 13.125.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự Birm Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005173 ngày 26/7/2022.
 - Trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí 6.950.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự Birm Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005205 ngày 29/8/2022.
 - Trả lại cho bà Trần Thị S số tiền tạm ứng án phí 28.245.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự Birm Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005170 ngày 25/7/2022.
 - Trả lại cho chị Trần Thị K số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự Birm Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005334 ngày 07/02/2023.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 243, Điều 244, Điều 271 và Điều 273/ Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84/Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

*** Tuyên xử:**

- Đình chỉ phần yêu cầu phân chia tài sản của anh Nguyễn Thanh B(Đối với yêu cầu đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa số:239, tờ bản đồ số: 04; Địa chỉ thửa đất: Thôn phường 2, xã Vinh Hà, huyện P, tỉnh T; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số:455, tờ bản đồ số 03; Diện tích 155,5 m². Địa chỉ thửa đất: Thị trấn N, huyện N, tỉnh T; Xe ô tô Hyundai Creta mua năm 2016, biển số:36A234.89; Xe ô tô Kia Morning mua năm 2020, biển số:17A- 07839).

- Đình chỉ phần yêu cầu phân chia tài sản của chị Hoàng Thị Bích H(Đối với yêu cầu đề nghị phân chia tài sản và công nợ chung của vợ chồng gồm: Khoản tiền 500.000.000đ đã cho chị Nguyễn Thị Vi T vay; Vợ chồng nợ anh Lê Văn T 42.000.000đ; Nợ anh Mai Thế H 8.000.000đ; Nợ cửa hàng Media Mart B 7.990.000đ; Nợ anh Nguyễn Thanh X số tiền 37.000.000đ)

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị S(buộc anh B, chị H trả cho bà số tiền 1.483.000.000đ(Một tỷ, bốn trăm, tám mươi ba triệu đồng)).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H(buộc anh B, chị H trả cho bà số tiền 600.000.000đ(Sáu trăm triệu đồng)).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Trần Thị K về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản(yêu cầu công nhận chiếc xe Kia Morning biển kiểm soát 17A-078.39 tài sản hợp pháp của chị).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh B

- + Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh B được ly hôn với chị Hoàng Thị Bích H.

- + Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là Nguyễn Hoàng Bảo Q(nữ) sinh ngày 07/10/2011 cho anh Nguyễn Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Như K(nam) sinh ngày 28/01/2014 cho chị Hoàng Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về án phí DSST:** Anh Nguyễn Thanh B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn số: AA/2021/0005140 ngày 09/6/2022. Như vậy, anh B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Trả lại cho anh B số tiền tạm ứng án phí 13.125.000đ (Mười ba triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Bim Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005173 ngày 26/7/2022.

- Trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí 6.950.000đ (Sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Bim Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005205 ngày 29/8/2022.

- Trả lại cho bà Trần Thị S số tiền tạm ứng án phí 28.245.000đ (Hai mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Bim Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005170 ngày 25/7/2022.

- Trả lại cho chị Trần Thị K số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Bim Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005334 ngày 07/02/2023.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn anh Nguyễn Thanh B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vắng mặt chị Hoàng Thị Bích H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(04/4/2023), chị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền được quyền kháng cáo bản án về vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bim sơn;
- Đương sự;
- THA Dân sự TX Bim sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*
- *UBND phường Đông Sơn(24/12/2010);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TỔNG THỊ HÀ

